

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/DS-ST

Ngày: 27-6-2024

V/v tranh chấp yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tám
2. Ông Phạm Hoàng Kiệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Ông Cao Thế Lĩnh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 5 và ngày 27 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2019/TLST- DS, ngày 17 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-DS, ngày 30 tháng 5 năm 2024 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 04/2024/TB-TA ngày 10 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1952; Địa chỉ: Ấp V, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn T là: Bà Cao Thị Tố Quyên, Trợ giúp viên pháp lý do Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Kiên Giang cử (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1963; Địa chỉ: Ấp V, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1954; Địa chỉ ấp S, xã B, huyện U, tỉnh Kiên Giang (xin vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1957; Địa chỉ ấp C, xã H, huyện U, tỉnh Kiên Giang (xin vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; Địa chỉ số 663/33, đường M, khu phố K, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (xin vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1966; Địa chỉ số 53, đường P, khu phố A, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Cụ Trương Thị Nguyệt có 06 người con là ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị B1, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị C và bà Nguyễn Thị B. Sau khi chết, cụ Nguyệt có để lại di sản là phần đất diện tích 4.240,7 m², tọa lạc tại ấp Hòa Vàm, xã Thạnh Yên A, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 14/3/2017. Trong thời gian cụ Nguyệt lâm bệnh, bà Nguyễn Thị C tự ý lập hồ sơ tặng cho QSD đất (cụ Nguyệt tặng cho bà C) để chiếm đoạt toàn bộ phần đất trên, không thông qua ý kiến của các anh em ông T. Việc tặng cho QSD đất giữa cụ Trương Thị Nguyệt và bà Nguyễn Thị C được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện U Minh Thượng xác nhận đăng ký biến động ngày 15/9/2017. Ông T cho rằng hợp đồng tặng cho QSD đất giữa cụ Trương Thị Nguyệt và bà Nguyễn Thị C là không đúng pháp luật, vì vậy ông T yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng tặng cho QSD đất giữa cụ Trương Thị Nguyệt cho bà Nguyễn Thị C và chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất có diện tích 4.240,7 m², chia cho ông T 1/6 giá trị phần đất 4.240,7 m² (tương đương với diện tích 706,78 m² trong phần đất nêu trên) theo bảng giá trị đất do UBND tỉnh Kiên Giang ban hành.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T là bà Cao Thị Tố Uyên trình bày: Yêu cầu Tòa án xem xét chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của ông T, vì hiện nay hoàn cảnh gia đình ông T rất khó khăn.

Bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày: Trước khi qua đời mẹ ruột bà C là cụ Trương Thị Nguyệt có một phần đất diện tích là 4.240,7 m², tọa lạc tại ấp Hòa Vàm, xã Thạnh Yên A, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Trước đây, cụ Nguyệt để cho bà Nguyễn Thị B canh tác phần đất này, đến khoảng năm 2015-

2016 thì bà B giao lại cho cụ Nguyệt quản lý vì bà B không đồng ý nuôi dưỡng cụ Nguyệt. Đến năm 2017 cụ Trương Thị Nguyệt được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận QSD đất với diện tích là 4.240,7 m². Sau khi cụ Nguyệt được cấp giấy chứng nhận QSD đất đến khoảng tháng 3/2017 cụ Nguyệt làm hồ sơ tặng cho bà C toàn bộ phần đất này. Đến khoảng tháng 5, tháng 6 năm 2017 cụ Nguyệt bị té gãy chân, bà C là người trực tiếp chăm sóc nuôi bệnh và chăm sóc cụ Nguyệt đến khi qua đời. Hiện nay gia đình bà C cũng đang gặp khó khăn, con bà C lại bị tai nạn xe, bản thân bà C đã lớn tuổi nhưng phải đi làm phụ hồ để kiếm sống. Bà C không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị B. Yêu cầu giữ nguyên hiện trạng đất cho bà C sử dụng để thờ cúng cha mẹ.

Tại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập ngày 25/3/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B trình bày:

Mẹ bà B là cụ Trương Thị Nguyệt có phần đất diện tích 4.240,7 m², tọa lạc tại ấp Hỏa Vàm, xã Thạnh Yên A, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Sau khi cụ Nguyệt chết thì các anh em bà B là ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị C tranh chấp yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất do cụ Nguyệt để lại. Đây là phần đất do cụ Nguyệt chết để lại chưa chia thừa kế, nhưng bà C tự ý lén lút làm hồ sơ tặng cho quyền sử dụng đất để chiếm đoạt toàn bộ phần đất này, các anh em của bà B không hề hay biết. Vì vậy bà B yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất có diện tích 4.240,7 m², tọa lạc tại ấp Hỏa Vàm, xã Thạnh Yên A, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang do cụ Trương Thị Nguyệt chết để lại, chia cho bà B được hưởng 1/6 giá trị phần đất 4.240,7 m², tương đương với diện tích 706,78 m² trong phần đất nêu trên.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 28/3/2024, cũng như lời khai tại phiên tòa ngày 30/5/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

Cụ Trương Thị Nguyệt có phần đất diện tích 4.240,7 m², tọa lạc tại ấp Hỏa Vàm, xã Thạnh Yên A, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Đây là phần đất chưa chia thừa kế, nhưng bà C tự ý lén lút làm hồ sơ tặng cho quyền sử dụng đất để chiếm đoạt toàn bộ phần đất này, các anh em ông T1 không hề hay biết. Vì vậy ông T1 yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất có diện tích 4.240,7 m², tọa lạc tại ấp Hỏa Vàm, xã Thạnh Yên A, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang do cụ Trương Thị Nguyệt chết để lại, chia cho ông T1 được hưởng 1/6

giá trị phần đất 4.240,7 m², tương đương với diện tích 706,78 m² trong phần đất nêu trên. Ông T1 yêu cầu Tòa án căn cứ theo bảng giá đất của UBND tỉnh Kiên Giang để làm cơ sở giải quyết vụ án, không yêu cầu định giá tài sản.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 25/3/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà Nguyễn Thị N là con của cụ Trương Thị Nguyệt (hiện đã chết). Bà N không có yêu cầu gì trong vụ án tranh chấp giữa ông T với bà C, yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Vì lý do sức khỏe nên bà N xin được vắng mặt trong tất cả các phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời xin được vắng mặt tại các phiên tòa xét xử để tránh mich lòng anh em trong gia đình.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 14/6/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B1 trình bày: Bà Nguyễn Thị B1 là con của cụ Trương Thị Nguyệt. Khi còn sống cụ Nguyệt có phần đất diện tích 4.240,7 m², tọa lạc ấp Hòa Vàm, xã Thạnh Yên A, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Sau khi cụ Nguyệt chết thì các anh em trong gia đình tranh chấp yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất do cụ Nguyệt để lại. Bà Nguyễn Thị B1 không có yêu cầu gì trong vụ án này, yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Vì lý do sức khỏe nên bà B1 xin được vắng mặt trong tất cả các phiên hòa giải và xét xử.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ:

Tài liệu do nguyên đơn ông Nguyễn Văn T cung cấp: Đơn khởi kiện; Bản sao giấy chứng nhận QSD đất của cụ Trương Thị Nguyệt; Trích lục khai tử của cụ Trương Thị Nguyệt ngày 11/9/2017; Đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí 11/8/2019; Huy chương kháng chiến hạng nhì; Quyết định về việc thực hiện chế độ, chính sách đối với công dân hòa tuyến tham gia kháng chiến chống pháp, chống mỹ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị C cung cấp: Phiếu xác nhận hiện trạng đo đạc thửa đất ngày 23/12/2016; Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 22/12/2016; Bản sao giấy chứng nhận QSD đất của bà Nguyễn Thị B; Bản phô tô phiếu trích lục hồ sơ địa chính ngày 01/9/2017; Đơn yêu cầu của bà Nguyễn Thị C ngày 20/5/2024.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị B cung cấp: Đơn yêu cầu độc lập ngày 25/3/2024; Đơn xin vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị N cung cấp: Đơn xin vắng mặt.

Ông Nguyễn Văn T1 cung cấp: Đơn yêu cầu độc lập ngày 28/3/2024; Đơn

xin miễn tiền án phí ngày 28/3/2024; Đơn xin vắng mặt.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Hồ sơ tặng cho QSD đất của cụ Trương Thị Nguyệt cho bà Nguyễn Thị C do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai cung cấp; Công văn trả lời số 49/CNUMT ngày 25/3/2021 của Chi nhánh văn phòng đất đai huyện U Minh Thượng trả lời cho Tòa án về việc tặng cho QSD đất giữa cụ Trương Thị Nguyệt với bà Nguyễn Thị C; Biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị B ngày 29/3/2023; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/7/2020; Biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Văn T ngày 18/3/2020; Biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Văn T ngày 10/10/2019; Biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Nguyễn Văn Hiền ngày 06/06/2023.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa ngày 27/6/2024, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T xin rút lại yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà Nguyễn Thị C đồng ý hỗ trợ lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền là 25.000.000 đồng. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông T; Ghi nhận sự tự nguyện của bà C đồng ý hỗ trợ cho ông T số tiền là 25.000.000 đồng. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu chia thừa kế của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị B, giữ nguyên hiện trạng phần đất có diện tích 4.240,7 m², tọa lạc tại ấp Hỏa Vàm, xã Thạnh Yên A, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang cho bà Nguyễn Thị C sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị B1, bà Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tất cả đều có đơn xin vắng mặt. Ông Nguyễn Văn T1 có mặt tại phiên tòa ngày 30/5/2024, nhưng vắng mặt tại phiên tòa ngày 27/6/2024. Tuy nhiên, ngày 28/3/2024 ông Nguyễn Văn T1 có đơn xin vắng mặt tại các phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn T với bị đơn bà Nguyễn Thị C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị B là tranh chấp yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Cụ thể ông T, ông T1, bà B yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với phần

đất có diện tích có diện tích 4.240,7 m², tọa lạc tại ấp Hòa Vàm, xã Thạnh Yên A, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang do cụ Trương Thị Nguyệt chết để lại.

[3]. Xét về nội dung tranh chấp:

Về nguồn gốc đất: Theo Công văn phúc đáp số 49/CNUMT ngày 25/3/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện U Minh Thượng có nội dung “*Nguồn gốc sử dụng đất của bà Trương Thị Nguyệt, sinh năm 1936, cư ngụ ấp Hòa Vàm, xã Thạnh Yên A, huyện U Minh Thượng, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 14/3/2017 số phát hành CH 753008, số vào sổ CS36438 là nhận tặng cho từ bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1966 (con ruột bà Nguyệt, được UBND huyện An Biên cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 05/12/2003 ...Ngày 28/8/2017 Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện U Minh Thượng có tiếp nhận hồ sơ tặng cho QSDĐ (từ bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện U Minh Thượng chuyển Chi nhánh xử lý) giữa bà Trương Thị Nguyệt, sinh năm 1936 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1963 (Quy trình giải quyết hồ sơ 13 ngày làm việc: từ ngày 28 tháng 08 năm 2017 đến ngày 15 tháng 09 năm 2017). Căn cứ Khoản 3, Điều 167 về công chứng, chứng thực hợp đồng tặng cho QSDĐ đã được UBND xã Thạnh Yên A chứng thực; Khoản 1, Điều 188, Luật đất đai 2013 về điều kiện thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho QSDĐ (Trong quá trình xử lý hồ sơ biến động tặng cho QSDĐ trên không xảy ra tranh chấp). Ngày 19/5/2017 Chi nhánh xử lý chuyển thuế xác định nghĩa vụ tài chính và thực hiện hồ sơ theo đúng trình tự thủ tục quy định, thực hiện ký chỉnh lý biến động tặng cho QSDĐ và trao Giấy chứng nhận cho bà Nguyễn Thị C”.*

Ngoài ra, tại phiên tòa các đương sự trình bày: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là do vợ chồng ông Nguyễn Văn Em, bà Trương Thị Nguyệt khai phá. Ông Nguyễn Văn Em và bà Trương Thị Nguyệt được 06 người con chung là ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị B1, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị C và bà Nguyễn Thị B. Đến năm 1966 thì ông Nguyễn Văn Em qua đời để lại phần đất có diện tích 4.240,7 m² cho bà Nguyệt tiếp tục canh tác. Đến năm 2003 cụ Trương Thị Nguyệt để cho bà Nguyễn Thị B đứng tên quyền sử dụng đất. Đến năm 2017 thì bà B làm hợp đồng tặng cho lại bà Trương Thị Nguyệt.

Tại phiên tòa ngày 27/6/2024, qua phân tích động viên, ông Nguyễn Văn T đồng ý rút đơn yêu cầu khởi kiện, bà C đồng ý hỗ trợ lại cho ông T số tiền là 25.000.000 đồng. Xét thấy sự thỏa thuận giữa ông T với bà C là hoàn toàn tự

nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên Hội đồng xử xử chấp nhận đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T. Ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của bà Nguyễn Thị C cho ông Nguyễn Văn T số tiền là 25.000.000 đồng.

Xét yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị B, nhận thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị B đều cho rằng cụ Nguyệt chết không có để lại di chúc, sau khi cụ Nguyệt chết bà C tự đi làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất để chiếm đoạt toàn bộ phần đất này. Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày 30/5/2024, khi được Hội đồng xét xử hỏi là “Khi cụ Nguyệt làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà C thì ông T và ông T1 có biết không?” thì ông T và ông T1 đều trả lời là có biết. Theo ông T1 trình bày là khi cụ Nguyệt nằm viện tại bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang giữa ông T1 và bà C có cãi nhau liên quan đến phần đất này. Sau khi cụ Nguyệt làm hợp đồng tặng cho đất lại cho bà C thì bà C có gọi điện để thách thức ông T1 đi thừa, vì vậy ông T1 mới biết việc cụ Nguyệt đã làm hợp đồng tặng cho đất lại cho bà C. Sau đó ông T1 có gọi điện cho ông T nói là: “Chắc bà làm giấy cho nó rồi nên nó mới thách tao đi thừa”.

Nguyên đơn ông T cũng trình bày là khi nghe ông T1 nói lại thì ông T mới biết việc cụ Nguyệt làm giấy tặng cho đất lại cho bà C, nhưng thời gian này cụ Nguyệt đang bị bệnh nặng nên ông T không có hỏi cụ Nguyệt về việc tặng cho đất lại cho bà C.

Tại biên bản xác minh ngày 06/06/2024 đối với ông Nguyễn Văn Hiền – Là cán bộ trực tiếp nhận hồ sơ tặng cho QSD đất giữa bà Trương Thị Nguyệt với bà Nguyễn Thị C khai: *“Thời gian năm 2017 ông Nguyễn Văn Hiền nguyên là cán bộ địa chính xã Thạnh Yên A, đến năm 2020 thì mới chuyển công tác về UBND xã An Minh Bắc. Trong năm 2017 ông Hiền có tiếp nhận hồ sơ tặng cho QSD đất giữa cụ Trương Thị Nguyệt với bà Nguyễn Thị C. Khi nhận hồ sơ thì có mặt cụ Nguyệt và bà C (do bà C chở cụ Nguyệt lên UBND xã để ký hồ sơ tặng cho QSD đất). Sau khi tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ đầy đủ theo quy định thì ông Hiền mới trình chủ tịch UBND xã ký hợp đồng tặng cho QSD đất. Ông Hiền khẳng định khi cụ Nguyệt ký hợp đồng tặng cho QSD đất cho bà C thì cả hai đều có mặt tại UBND xã Thạnh Yên A, có ông Võ Hữu Hùng hiện cán bộ văn phòng Thạnh Yên A chứng kiến”.*

Như vậy, việc cụ Nguyệt khi còn sống làm hợp đồng tặng cho QSD đất cho bà C thì cả ông T và ông T1 đều biết. Việc tặng cho QSD đất được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện U Minh Thượng và cán bộ UBND xã Thạnh Yên A tiếp nhận xử lý hồ sơ khẳng định là đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. Giấy chứng nhận QSD đất do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Kiên Giang cấp cho “**Bà Trương Thị Nguyệt**” ngày 14/3/2017, nên theo quy định tại Điều 167 Luật đất đai 2013 bà Trương Thị Nguyệt được quyền tặng cho quyền sử dụng đất lại cho bà C hoặc bất kỳ cá nhân nào mà không cần phải thông qua ý kiến của các con. Hợp đồng tặng cho QSD giữa cụ Trương Thị Nguyệt với bà Nguyễn Thị C là hợp pháp. Nên việc ông T1, bà B yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật với phần đất có diện tích 4.240,7 m², chia cho ông T1 và bà B mỗi người được hưởng 1/6 giá trị phần đất 4.240,7 m², tương đương với diện tích 706,78 m² là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về chi phí định giá: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị B trình bày do hoàn cảnh khó khăn nên yêu cầu Tòa án căn cứ vào bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang để làm cơ sở giải quyết vụ án, không yêu cầu Tòa án trưng cầu định giá tài sản. Vì vậy các đương sự không phải chịu tiền chi phí định giá.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T xin rút lại yêu cầu khởi kiện được Hội đồng xét xử chấp nhận nên không phải chịu án phí (Ông T thuộc đối tượng người có công với cách mạng, người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí khi khởi kiện).

Do yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị B không được Tòa án chấp nhận nên ông T1 và bà B phải chịu tiền án phí theo giá ngạch đối với phần diện tích đất yêu cầu được chia nhưng không được Tòa án chấp nhận. Cụ thể: Ông Nguyễn Văn T1 phải chịu tiền án phí là $(706,78 \text{ m}^2 \times 33.000 \text{ đồng/m}^2) \times 5\% = 1.166.000 \text{ đồng}$ (một triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn). Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn T1 có đơn xin miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí và án phí do thuộc đối tượng người cao tuổi. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử thống nhất miễn toàn bộ tiền án phí cho ông Nguyễn Văn T1.

Bà Nguyễn Thị B phải chịu tiền án phí là $(706,78 \text{ m}^2 \times 33.000 \text{ đồng/m}^2) \times$

5% = 1.166.000 đồng (một triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị B đã nộp là 580.000 đồng (năm trăm tám mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000601 ngày 01/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng. Số tiền án phí còn lại bà Nguyễn Thị B phải nộp là 586.000 đồng (năm trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 167 Luật đất đai năm 2013; Điều 500, Điều 649 Bộ luật dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 1, khoản 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 13/01/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc Quy định Bảng giá đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

1. Đình xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn T1 đối với bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu chia thừa kế cho ông Nguyễn Văn T1 được hưởng 1/6 giá trị phần đất 4.240,7 m² (tương đương với diện tích 706,78 m²), tọa lạc tại ấp Hỏa Vàm, xã Thạnh Yên A, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị B đối với bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu chia thừa kế cho bà Nguyễn Thị B được hưởng 1/6 giá trị phần đất 4.240,7 m² (tương đương với diện tích 706,78 m²), tọa lạc tại ấp Hỏa Vàm, xã Thạnh Yên A, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

4. Giữ nguyên hiện trạng phần đất có diện tích 4.240,7 m², thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 147-2016, tọa lạc tại ấp Hỏa Vàm, xã Thạnh Yên A, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang (theo giấy chứng nhận QSD đất số CH 753008 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp cho bà Trương Thị Nguyệt ngày 14/3/2017, đến ngày 15/9/2017 được Văn phòng đăng ký đất đai huyện U Minh Thượng xác nhận đăng ký biến động tặng cho lại cho bà Nguyễn Thị C).

5. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn T về việc bà Nguyễn Thị C đồng ý giao lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Nếu sau khi án có hiệu lực mà bà C không giao cho ông T số tiền trên thì ông Nguyễn Văn T có quyền làm đơn yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng buộc bà Nguyễn Thị C phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

6. Về chi phí định giá: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị B không có yêu cầu Tòa án trưng cầu định giá tài sản. Vì vậy các đương sự không phải chịu tiền chi phí định giá.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T thuộc đối tượng người có công với cách mạng, người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí khi khởi kiện.

Ông Nguyễn Văn T1 phải chịu số tiền án phí là 1.166.000 đồng (một triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn). Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn T1 có đơn xin miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí và án phí do thuộc đối tượng người cao tuổi nên Hội đồng xét xử thống nhất miễn toàn bộ tiền án phí cho ông Nguyễn Văn T1 (ông T1 không phải nộp án phí).

Bà Nguyễn Thị B phải chịu số tiền án phí là 1.166.000 đồng (một triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị B đã nộp là 580.000 đồng (năm trăm tám mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000601 ngày 01/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng. Số tiền án phí còn lại bà Nguyễn Thị B phải nộp là 586.000 đồng (năm trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát ND huyện U Minh Thượng;*
- *Chi cục Thi hành án DS huyện U Minh Thượng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khanh